

Khi chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, hoạt động ngân hàng phải đổi mới theo nguyên tắc xóa bao cấp tín dụng, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển.

Những cải cách trong hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh thời gian vừa qua đạt được nhiều thành tựu, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục đổi mới. Trong bài viết này chúng tôi xin đề cập một số vấn đề sau:

1. Phải thực hiện các hình thức bảo đảm tín dụng đối với doanh nghiệp nhà nước (DNNN), xóa bỏ việc áp dụng tín chấp tràn lan cho các DNNN đang có quan hệ vốn với ngân hàng. Bảo đảm tín dụng là biện pháp nghiệp vụ nhằm tăng cường ràng buộc các doanh nghiệp trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng và là biện pháp hạn chế rủi ro cho ngân hàng, không có lý do gì buộc ngân hàng phải từ bỏ một nghiệp vụ làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của mình, nhất là trong môi trường kinh doanh đầy rủi ro trong cơ chế thị trường hiện nay.

2. Cần quy định tỷ lệ vốn lưu động tối thiểu mà các doanh nghiệp phải đáp ứng khi muốn vay vốn ngân hàng.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập với mức vốn lưu động ban đầu đề nghị tối thiểu là 50% so với nhu cầu vốn cố định và vốn lưu động, đây là cơ sở để doanh nghiệp đặt quan hệ vay vốn ngân hàng.

Đối với doanh nghiệp đã có thời gian hoạt động, vốn lưu động sẽ tăng theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có đáp ứng điều kiện cho vay của ngân hàng hay không là hoàn toàn tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp thuộc diện tài trợ của nhà nước, trường hợp thiếu vốn so với nhu cầu tối thiểu tức ở mức 50% nói trên thì đề nghị cơ quan tài chính cấp bổ sung phần thiếu hụt này chứ không phải qua tín dụng ngân hàng.

3. Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Việc đổi mới quan hệ tín dụng với các DNNN cần gắn liền với quan hệ tín dụng đối với các doanh nghiệp tư nhân.

Trong thời gian vừa qua tỷ trọng cho vay đối với kinh tế tư nhân đã tăng đáng kể nhưng còn những mặt chưa bình đẳng như:

- Cho vay trung và dài hạn chỉ dành cho DNNN.

- Lãi suất cho vay đối với DNNN thấp hơn lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp tư nhân.

Về điều kiện vay vốn theo chế

MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA CÔNG TÁC TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thạc sĩ NGÔ GIA LƯU

độ, doanh nghiệp tư nhân muốn vay vốn ngân hàng phải có tài sản thế chấp còn các DNNN là tín chấp.

Ngày nay với chiến lược phát triển kinh tế nhiều thành phần, chính sách tín dụng ưu tiên cho các DNNN là không phù hợp nữa. Việc phân bổ khối lượng lớn tín dụng cho khu vực kinh tế nhà nước trong điều kiện DNNN chưa được sắp xếp lại và làm ăn kém hiệu quả là điều không hợp lý, và hoạt động tín dụng ngân hàng đã làm hạn chế hiệu quả kinh tế của mỗi đồng vốn tín dụng. Tuy nhiên việc định hướng tín dụng ưu tiên cho 1 số lĩnh vực, ngành nghề nào đó của DNNN là điều cần thiết, nhưng chỉ với mức độ nhất định, với những giai đoạn phù hợp nhất định.

4. Xây dựng chính sách lãi suất hợp lý, nhân tố tác động trực tiếp đến hiệu quả vốn tín dụng và kết quả sản xuất kinh doanh.

Hiện nay nhiều ngân hàng thừa vốn, lý do cơ bản là lãi suất cho vay cao, trong hoạt động của doanh nghiệp nếu chúng ta so sánh mức lãi suất tín dụng cho vay với chỉ số lạm phát hiện nay và tỷ suất lợi nhuận bình quân của doanh nghiệp thì thấy rằng tín dụng chưa theo sát với chỉ số lạm phát và còn khá cao so với tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp. Xin có đề nghị sau:

- Cần phải bỏ thuế doanh thu (15%) và giảm thuế lợi tức từ 45% xuống còn 30%, trên cơ sở đó ngân hàng sẽ giảm lãi suất cho vay, đánh thuế quá cao dẫn đến hậu quả cuối cùng là các doanh nghiệp kìm hãm quá trình đầu tư và phát triển kinh tế.

- Về chính sách lãi suất, trong hoạt động kinh doanh việc xác định giá và có chính sách giá cả hợp lý có vai trò rất quan trọng.

Trong bước đi ban đầu khi hệ thống ngân hàng chuyển từ bao cấp sang kinh doanh đòi hỏi sử dụng nhiều biện pháp hành chính để quản lý lãi suất.

Bước tiếp theo, các ngân hàng đã đi vào hoạt động ổn định, thích ứng với cơ chế thị trường, ngân hàng nhà nước nên tập trung quản lý bằng các biện pháp gián tiếp đối với lãi suất

như: Chính sách thuế, quy định lãi suất tái cấp vốn để điều tiết cung tiền tệ, xóa bỏ quy định lãi suất tối thiểu và tối đa đối với tiền gửi và tiền vay.

5. Cải tiến biện pháp cấp tín dụng, cùng với đổi mới hoạt động của các doanh nghiệp đòi hỏi khối lượng vốn lớn. Nguồn vốn đó được huy động từ trong nước và từ nhiều nguồn ở nước ngoài, một trong những điều kiện đầu tiên là phải có chiến lược huy động vốn trong nước, không trông chờ thụ động ở nguồn vốn nước ngoài. Hơn nữa thực tế nguồn vốn tiềm tàng trong nước còn rất lớn, do vậy muốn huy động vốn trong dân thì cần tạo lòng tin, cần đa dạng hóa các định chế tài chính và các công cụ khác. Đồng thời tranh thủ nguồn vốn nước ngoài thông qua hợp tác, đầu tư, nghiên cứu và hướng tới có các hình thức huy động vốn trung và dài hạn trong và ngoài nước, tạo thành nguồn vốn hỗn hợp, trên cơ sở đó mở rộng nhiều hình thức cho vay, cấp tín dụng ngày càng nhiều hơn cho các dự án trung, dài hạn.

6. Phân tích năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là năng lực tài chính. Ngân hàng cần phải phân tích hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp một cách nghiêm túc trước khi cho vay.

Sự cần thiết là phải xác định quan điểm rõ ràng cho vay hay không cho vay, tiếp tục đầu tư hay dừng lại, khi phân tích phải lựa chọn trong số các giải pháp thì giải pháp nào là phù hợp nhất với mọi thông tin mà ngân hàng nắm được.

Đối với các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả có thể cho vay không cần vật tư đảm bảo, áp dụng các kỹ thuật cho vay thích hợp để hạn chế rủi ro trên cơ sở đó mở rộng hoạt động tín dụng, thúc đẩy quá trình đầu tư và phát triển kinh tế....

Để thực hiện được sự đổi mới về các biện pháp hoạt động và các vấn đề nêu trên, ngành ngân hàng nói chung, hệ thống ngân hàng thương mại nói riêng cần có chương trình huấn luyện, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nhân viên ngân hàng cho phù hợp với yêu cầu hoạt động của ngân hàng trong cơ chế thị trường ■